

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG NGUYÊN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST

Ngày: 25/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Hạnh Lê

2. Ông Phan Đức Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022-QĐHPT ngày 22/02/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

NVB. Tên gọi khác: không. Sinh ngày : 15/3/1985 tại huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: xóm H, xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 12/12 Quốc tịch: Việt nam. Dân tộc: kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: không. Con ông: NQN (Đã chết). Con bà: PTH (Đã chết). Vợ: VTH; Sinh năm: 1989. Con: có 3 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 29/4/2009 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng tại Quyết định số 1692/QĐ.UBND-NC (Đã chấp hành xong).

- Ngày 16/9/2006 bị Công an huyện Hưng Nguyên xử phạt 200.000 đồng về hành vi đánh nhau tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục đơn giản số 62 (Đã chấp hành xong);

- Ngày 07/01/2016 bị Công an huyện Hưng Nguyên xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi xâm hại tính mạng và sức khỏe người khác tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 35/QĐ- XPVPHC (Đã chấp hành xong).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/10/2021 đến ngày 24/10/2021. Ngày 28/10/2021 bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị HTT, sinh năm 1979. Trú tại: Xóm T, xã C, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/4/2019, chị HTT, sinh năm 1979, trú tại xóm T, xã C, huyện NĐ, Nghệ An có nhu cầu vay tiền để làm nhà nên đã đến nhà NVB hỏi vay số tiền 70.000.000 đồng. NVB hành nghề dịch vụ tài chính nhưng không được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép đã đồng ý cho chị T vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay từ 01 đến 02 tháng. Chị T viết giấy vay tiền đưa cho B giữ và cả hai thỏa thuận bằng miệng lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tức 9%/ 1 tháng, tương ứng số tiền 6.300.000 đồng/ 1 tháng, tiền lãi đóng theo tháng. Sau đó, B nhập các thông tin: khách hàng vay "Chị T Nc", ngày vay, số tiền ghi nợ "70.000.000 đồng" vào tài khoản "thaovy12" trên hệ thống ứng dụng "ag.mecash.vn" để quản lý hoạt động cho vay, trả lãi giữa B và chị HTT. Tháng 5/2019 và tháng 6/2019, chị T đã trả cho B số tiền lãi 6.300.000 đồng mỗi tháng và trả 10.000.000 đồng tiền gốc, chị Vẫn nợ B số tiền 60.000.000 đồng. Do đến hạn trả tiền gốc nhưng chị T không có trả nên tháng 07/2019, B đã tăng tiền lãi lên 5.790.000 đồng/60.000.000 đồng/ 1 tháng, tức 9,65%/ 1 tháng. Chị T đã nộp cho B 5.790.000 đồng tiền lãi tháng 07/2019 và thỏa thuận với B đến tháng 02/2020 sẽ trả nợ tiền gốc 60.000.000 đồng, lãi suất vẫn tính 3.000 đồng/1.000.000 đồng /1 ngày, tương ứng số tiền 5.400.000 đồng/1 tháng. Chị T đã trả cho B số tiền lãi 16.200.000 đồng của tiền lãi tháng 8, 9, 10/2019. Sau khi trả tiền lãi tháng 10/2019 xong, chị T vay thêm NVB 10.000.000 đồng. Tổng tiền vay lúc này là 70.000.000 đồng, lãi suất 6.300.000 đồng/ 1 tháng, kỳ hạn vay đến tháng 02/2020. Tháng 11, 12/2019, chị T đều đặn trả tiền lãi cho B hàng tháng số tiền 6.300.000 đồng/ 1 tháng và trả cho B 20.000.000 đồng tiền gốc. Tổng tiền vay lúc này là 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất như cũ, tức 3000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương ứng số tiền 4.500.000 đồng/ 1 tháng, kỳ hạn vay đến

tháng 02/2020. Tháng 01/2020 và tháng 02/2020, chị T đã trả cho B số tiền lãi 4.500.000 đồng mỗi tháng. Do đến hạn trả tiền gốc nhưng chị T không có trả nên tháng 3/2020, B đã tăng tiền lãi lên 5.000.000 đồng/50.000.000 đồng/ 1 tháng, tức 10%/ 1 tháng. Tháng 3, 4/2020, chị T đã trả cho B hàng tháng số tiền lãi 5.000.000 đồng. Lúc này chị T và B có thỏa thuận lại với nhau, B cho chị T vay số tiền 50.000.000 đồng không kỳ hạn, khi nào chị T có thì trả, lãi suất vẫn tính 3.000 đồng/1.000.000 đồng /1 ngày, tương ứng số tiền 4.500.000 đồng/1 tháng. Từ tháng 05/2020 đến tháng 12/2020, chị T đã trả cho B 08 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 35.000.000 đồng của số tiền nợ 50.000.000 đồng (trong đó, tháng 12/2020 chị T trả cho B 3.500.000 đồng tiền lãi, nợ B 1.000.000 đồng) và trả cho B 20.000.000 đồng tiền gốc. Lúc này số tiền chị T vay B là 30.000.000 đồng, lãi suất. Từ tháng 01/2021 đến tháng 06/2021, chị T đều đặn trả tiền lãi cho B hàng tháng số tiền 2.700.000 đồng của số tiền vay 30.000.000 đồng. Đến tháng 07/2021, chị T đã trả hết cho B số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, hiện đang nợ B số tiền lãi tháng 07/2021 là 2.700.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền lãi tháng 12/2020. Tổng số tiền lãi NVB đã thu của chị HTT là 117.390.000 đồng.

Cáo trạng số 07/CT-VKS-HS ngày 10/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo NVB về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo NVB đã khai nhận hành vi mà bị cáo thực hiện giống như nội dung bản cáo trạng và nội dung vụ án như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo NVB phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Về hình phạt:

+ Hình phạt chính: Đề nghị áp dụng khoản 1, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS, xử phạt NVB từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

+ Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp:

+ Đối với khoản tiền gốc 70.000.000 đồng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Truy thu tại bị cáo số tiền 70.000.000 đồng.

+ Đối với khoản tiền lãi 21.657.000 đồng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Truy thu tại bị cáo số tiền 21.657.000 đồng.

+ Đối với khoản tiền lãi 95.733.000 đồng mà bị cáo đã thu của chị T vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS: buộc bị cáo trả lại cho chị HTT số tiền 95.733.000 đồng.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS : Tịch thu sung công 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu đen, có số sim 0972585678, máy đã qua sử dụng

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đã hối hận với hành vi phạm tội của mình, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Nguyên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, Điều tra viên, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2]. *Về chứng cứ xác định tội danh:*

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai tại phiên tòa và lời khai trong quá trình điều tra của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với biên khám xét lập ngày 10/6/2021 và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được công bố và thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 24/4/2019 đến tháng 07/2021, NVB hành nghề dịch vụ tài chính nhưng không được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép đã cho chị HTT, sinh năm 1979, trú tại xóm T, xã C, huyện ND, Nghệ An vay tổng số tiền 70.000.000 đồng, với lãi suất vay 3.000 đồng/1.000.000 đồng /1 ngày, mỗi tháng tính 30 ngày, tương ứng lãi suất 9%/1 tháng, 108%/1 năm, gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định

của bộ luật dân sự thu số tiền lãi là 117.390.000 đồng, đã thu lợi bất chính số tiền 95.733.000 đồng. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định mức lãi suất hợp pháp cao nhất là 20%/năm (Tương đương 1,666%/tháng) đối với khoản tiền vay. Số tiền lãi hợp pháp NVB được phép thu từ việc cho vay là 21.657.000 đồng (04 tháng tiền lãi của số tiền vay 70.000.000 đồng, 03 tháng tiền lãi của số tiền vay 60.000.000 đồng, 10 tháng tiền lãi của số tiền vay 50.000.000 đồng, 06 tháng tiền lãi của số tiền vay 30.000.000 đồng). Như vậy, NVB đã thu lợi bất chính số tiền của chị HTT là 95.733.000 đồng.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị cáo còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điêu đứng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có nhân thân xấu, 01 lần bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đã 02 lần bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, tự nguyện ra đầu thú, bố mẹ của bị cáo là ông NQN thương binh loại A, hạng 4/4, bà PTH được Ban chấp hành trung ương tặng kỉ niệm chương thanh niên xung phong. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, khi xem xét lượng hình cần cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4]. *Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập:* Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo. Bị cáo là người có tài sản nên cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5]. *Về biện pháp tư pháp:*

- Đối với số tiền gốc 70.000.000 đồng mà bị cáo NVB sử dụng cho chị HTT vay với lãi suất cao gấp 5,4 lần so với mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của bộ luật dân sự. Đây là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo đã thu về số tiền gốc 70.000.000 đồng nên cần truy thu từ bị cáo.

- Đối với khoản tiền lãi 21.657.000 đồng, không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS mà bị cáo đã cho chị T vay là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi 95.733.000 đồng mà bị cáo đã thu của chị T vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS. Trong quá trình điều tra, truy tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị T yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Nên số tiền này cần truy thu từ bị cáo để trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[6]. *Về vật chứng*: Trong quá trình điều tra, CSĐT Công an TP Vinh đã thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu đen, có số sim 0972585678, máy đã qua sử dụng, đây là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ.

[7]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS, tuyên bố bị cáo NVB phạm tội tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- *Xử phạt*: NVB 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ là 09 (chín) ngày, quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ. Nay phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Giao Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục đối với bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- *Hình phạt bổ sung*: Phạt tiền bị cáo 30.000.000 đ (Ba mươi triệu đồng). Miễn khấu trừ thu nhập cá nhân cho bị cáo.

- *Về biện pháp tư pháp*:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu tại bị cáo số tiền 70.000.000 đ (Bảy mươi triệu đồng) tiền gốc.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu tại bị cáo số tiền 21.657.000 đồng tiền lãi.

Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự: buộc bị cáo trả lại cho chị HTT số tiền 95.733.000 đồng bị cáo đã thu của chị Thơ vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS : Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu đen, có số sim 0972585678, máy đã qua sử dụng. (Đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 13/01/2022, giữa Công an huyện Hưng Nguyên và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- Công an huyện Hưng Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Hưng Nguyên;
- TAND tỉnh NA;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Quốc Tú

